

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2024/DS-ST

Ngày 24-5-2024

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Kim Bình;

Bà Trương Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Thoại – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2024/QĐST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Hoàng P, sinh năm 1983; địa chỉ: số A, tổ F, khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Minh T, sinh năm 1980; địa chỉ: số A (số C), đường D, khu dân cư C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 12/5/2022), có mặt.

- Bị đơn: Bà Mông Thị H, sinh năm 1940; địa chỉ: số D, đường N, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Tạ Đức T1, sinh ngày 11/01/2010;

2. Cháu Tạ Đức M, sinh ngày 25/02/2016;

Cùng địa chỉ: số A, tổ F, khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của cháu Tạ Đức T1 và cháu Tạ Đức M: Bà Lý Hoàng P, sinh năm 1983; địa chỉ: số A, tổ F, khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật (mẹ ruột), có mặt.

3. Ông Tạ Vĩnh X, sinh năm 1944; chết ngày 02/02/2021.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Tạ Vĩnh X:

3.1. Bà Mông Thị H, sinh năm 1940; địa chỉ: số D, đường N, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3.2. Bà Tạ Thụy H1, sinh năm 1979; địa chỉ: phòng D, lô D, khu C, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: số E, khối E, khu R - C, số C, T, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3.3. Ông Tạ Thiệu H2, sinh năm 1972; địa chỉ: số D, đường N, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3.4. Bà Tạ Thụy H3, sinh năm 1975; địa chỉ: số D, đường N, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ liên hệ: C, Đà Loan, vắng mặt.

3.5. Bà Tạ Thụy H4, sinh năm 1981; địa chỉ: số D, đường N, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ liên hệ: Úc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lý Hoàng P và người đại diện hợp pháp của bà P là ông Phạm Minh T thống nhất trình bày:

Bà Lý Hoàng P là vợ của ông Tạ Thiệu H5 (chết ngày 31/10/2020). Bà P và ông H5 có 02 người con là cháu Tạ Đức T1, sinh ngày 11/01/2010 và cháu Tạ Đức M, sinh ngày 25/02/2016. Ngoài những người con trên, ông H5 không có con riêng, con nuôi nào khác.

Cha của ông H5 là ông Tạ Vĩnh X (chết ngày 02/02/2021), mẹ của bà H5 là bà Mông Thị H. Ông X và bà H có 05 người con gồm: ông Tạ Thiệu H5 (chết ngày 31/10/2020), ông Tạ Thiệu H2, bà Tạ Thụy H3, bà Tạ Thụy H1 và bà Tạ Thụy H4.

Quá trình chung sống, bà P và ông H5 có tạo lập tài sản chung gồm:

- Phần diện tích đất 78,8m² (trong đó gồm 60m² đất ở; 12m² đất trồng cây lâu năm; 6,8m² hành lang bảo vệ an toàn mương) thuộc thửa đất số 567, tờ bản đồ số 49 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY682818, số vào sổ CH03559 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Tạ Thiệu H5 và bà Lý Hoàng P ngày 15/5/2015, tài sản gắn liền với đất là căn nhà một trệt, một lầu có diện tích sàn xây dựng 123,76m².

- Phần đất diện tích đất 95,3m² (trong đó gồm 71,5m² đất ở; 15,3m² đất trồng cây lâu năm; 8,5m² hành lang bảo vệ an toàn mương) thuộc thửa đất số 442, tờ bản đồ số 49 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU915179, số vào sổ CH03367 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Tạ Thiệu H5 và bà Lý Hoàng P ngày 29/12/2014, tài sản gắn liền với đất là căn nhà tạm có diện tích 9,4m².

Ông Tạ Thiệu H5 chết không để lại di chúc, bà P đã nhiều lần yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H5 thực hiện thủ tục phân chia di sản thừa kế do ông H5 chết để lại nhưng bà H không đồng ý. Do vậy, bà Lý Hoàng P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Xác định $\frac{1}{2}$ diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế 78,8m² thuộc thửa đất số 567, tờ bản đồ số 49 và $\frac{1}{2}$ diện tích đất 95,3m² thuộc thửa đất số 442, tờ bản đồ số 49 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương và $\frac{1}{2}$ căn nhà cấp 4 có diện tích 123,76m²; nhà vệ sinh có diện tích 7,5m² gắn liền trên thửa đất số 567 và $\frac{1}{2}$ căn nhà tạm có diện tích 9,4m² có trên thửa đất số 442 là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà P.

+ Xác định $\frac{1}{2}$ diện tích đất còn lại của diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế 78,8m² thuộc thửa đất số 567, tờ bản đồ số 49 và $\frac{1}{2}$ diện tích đất 95,3m² thuộc thửa đất số 442, tờ bản đồ số 49 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương và $\frac{1}{2}$ căn nhà cấp 4 có diện tích 123,76m²; nhà vệ sinh có diện tích 7,5m² gắn liền trên thửa đất số 567; $\frac{1}{2}$ căn nhà tạm có diện tích 9,4m² có trên thửa đất số 442 là di sản thừa kế do ông Tạ Thiệu H5 chết để lại và chia di sản thừa kế của ông Tạ Thiệu H5 để lại cho 05 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H5 gồm bà Mông Thị H, ông Tạ Vĩnh X, bà Lý Hoàng P, cháu Tạ Đức T1 và cháu Tạ Đức H6. Bà P yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Đối với kỹ phần mà bà H và ông X được nhận thì bà P yêu cầu được nhận bằng hiện vật và đồng ý thanh toán bằng giá trị cho bà H và ông X tương đương với kỹ phần mà bà H7, ông X được nhận theo kết quả định giá. Đối với cháu Tạ Đức T1 và cháu Tạ Đức M (là con ruột của bà P và ông H6) chưa đủ 18 tuổi nên bà P là người đại diện theo pháp luật của cháu T1 và cháu M.

- *Người đại diện hợp pháp cho cháu Tạ Đức T1 và cháu Tạ Đức M là bà Lý Hoàng Phương trình B:*

Bà P yêu cầu được chia bằng hiện vật cho cháu Tạ Đức T1 và cháu Tạ Đức M đối với kỹ phần được chia.

- *Tại bản tự khai ngày 18/01/2024, bị đơn bà Mông Thị H trình bày:*

Thông nhất phần trình bày của bà P về quan hệ huyết thống. Đối với diện tích đất thuộc thửa đất số 567 và thửa đất số 442, tờ bản đồ 49 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương và tài sản trên 02 thửa đất nêu trên thì bà và ông X không có công sức đóng góp gì. Tuy nhiên, khoảng 14 - 15 năm trước, khi ông H6 chưa cưới bà P, vợ chồng bà có cho ông H6 số tiền 120.000.000 đồng để mua nhà ở tỉnh Bình Dương, việc cho không lập giấy tờ. Sau khi ông

H6 cưới bà P thì bán căn nhà trên và mua thửa đất số 567 và thửa đất số 442. Do vậy, trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà H đồng ý chia di sản của ông H6 để lại theo quy định của pháp luật, phần bà được hưởng bà giao lại cho bà P và bà P thanh toán giá trị cho bà. Đối với phần ông X chồng bà được hưởng, bà H yêu cầu giải quyết theo quy định. Đối với bà H3, bà H4 thì bà H không biết địa chỉ của bà H3, bà H4 tại nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Bà H không có yêu cầu phản tố và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/6/2023 và biên bản lấy lời khai ngày 18/01/2024, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Tạ Vĩnh X là ông Tạ Thiệu H2 trình bày:*

Thống nhất theo phần trình bày của bà P về quan hệ huyết thống. Về quyền sử dụng đất mà bà P tranh chấp là tài sản riêng của ông H6 hay tài sản chung giữa ông H6 với bà P thì ông H2 không biết, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Đối với tài sản có trên đất là căn nhà cấp 4 là tài sản chung của bà P với ông H6. Đối với địa chỉ của bà H3 và bà H4 tại nước ngoài thì ông H6 không biết để cung cấp cho Tòa án. Do vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của bà P, ông H2 yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật. Đối với di sản ông H6 để lại thì ông X cũng có phần nên đề nghị giải quyết theo quy định. Ông H2 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

- *Tại đơn xin vắng mặt ngày 13/01/2024, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Tạ Vĩnh X là bà Tạ Thụy H1 trình bày:*

Tài sản ở tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của anh ruột bà H1 là ông Tạ Thiệu H5 và chị dâu bà H1 là bà Lý Hoàng P. Nay ông H5 mất thì sẽ thuộc sở hữu của chị dâu bà H1 và các cháu, không liên quan gì đến cá nhân bà H1. Nếu vì lý do bà H1 mất mà có liên quan đến quyền thừa kế thì bà H1 từ chối quyền thừa kế trên. Bà H1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

- *Tại thư ý kiến ngày 30/01/2024, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Tạ Vĩnh X là bà Tạ Thụy H3 trình bày:*

Bà Tạ Thụy H3 hiện đang cư trú tại Đài Loan, được biết Tòa đang thụ lý đơn tranh chấp thừa kế tài sản của em dâu bà H3 tên Lý Hoàng P. Bà H3 ý kiến, tài sản ở tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của anh ruột bà H1 là ông Tạ Thiệu H5 và chị dâu bà H1 là bà Lý Hoàng P. Nay ông H5 mất thì sẽ thuộc sở hữu của chị dâu bà H1 và các cháu, không liên quan gì đến cá nhân bà H1. Nếu vì lý do bà H1 mất mà có liên quan đến quyền thừa kế thì bà H1 từ chối quyền thừa kế trên.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả đo đạc tại Mẫu trích đo địa chính ngày 01/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T, tỉnh Bình Dương và kết quả định giá ngày 29/9/2023 để làm căn cứ giải quyết vụ án. Đối với kỹ phần bà H và ông X được hưởng, bà P đồng thanh toán giá trị kỹ phần theo kết quả định giá ngày 29/9/2023; đối với kỹ phần của cháu T1 và cháu M được hưởng không đủ điều kiện tách thừa theo Quyết định số

12/2023/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh B quy định về điều kiện tách thửa đất, điều kiện hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương, bà P tự nguyện giao kỹ phần của bà P được hưởng, kỹ phần đã thanh toán giá trị cho bà H, ông X và phần tài sản chung của bà P, giao cho cháu T1 và cháu M được nhận thửa đất số 442, tờ bản đồ số 49 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương và không yêu cầu thanh toán giá trị chênh lệch. Đối với các chi phí tố tụng liên quan đến vụ án thì nguyên đơn tự nguyện chịu.

Người đại diện theo pháp luật của cháu T1 và cháu M là bà Lý Hoàng P đồng ý nhận thửa đất số 442, tờ bản đồ số 49 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc giao thửa đất số 442, tờ bản đồ số 49 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương cho cháu T1 và cháu M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: bà Tạ Thụy H3, sinh năm 1975 đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan; bà Tạ Thụy H4, sinh năm 1981 đang sinh sống và làm việc tại Úc. Qua xác minh, bà H3 đã chuyển đến Đài Loan sinh sống và bà H4 đã chuyển đến Úc sinh sống từ lâu. Căn cứ Công văn số 2304/QLXNC-P5 ngày 25/7/2023 của Cục Q thể hiện bà Tạ Thụy H4 đã xuất nhập cảnh đầu tiên là ngày 21/6/2017 và lần gần nhất là ngày 31/01/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh và Công văn số 1031/QLXNC-P5 ngày 05/4/2023 của Cục Q cho biết bà Tạ Thụy H3 đã xuất nhập cảnh đầu tiên là ngày 20/12/2001 và lần gần nhất là ngày 27/3/2003, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 38 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xác định $\frac{1}{2}$ diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế $78,8m^2$ thuộc thửa đất số 567, tờ bản đồ số 49 và $\frac{1}{2}$ diện tích đất $95,3m^2$ thuộc thửa đất số 442, tờ bản đồ số 49 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương và $\frac{1}{2}$ căn nhà cấp 4 có diện tích $123,76m^2$, nhà vệ sinh có diện

tích 7,5m² gắn liền trên thửa đất số 567 và ½ căn nhà tạm có diện tích 9,4m² có trên thửa đất số 442 là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà P. Xác định ½ diện tích đất còn lại của diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế 78,8m² thuộc thửa đất số 567, tờ bản đồ số 49 và ½ diện tích đất 95,3m² thuộc thửa đất số 442, tờ bản đồ số 49 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương và ½ căn nhà cấp 4 có diện tích 123,76m², nhà vệ sinh có diện tích 7,5m² gắn liền trên thửa đất số 567; ½ căn nhà tạm có diện tích 9,4m² có trên thửa đất số 442 là di sản thừa kế do ông Tạ Thiệu H5 chết để lại và chia di sản thừa kế của ông Tạ Thiệu H5 để lại cho 05 người thuộc cho hàng thừa kế thứ nhất của ông H5 gồm bà Mông Thị H, ông Tạ Vĩnh X, bà Lý Hoàng P, cháu Tạ Đức T1 và cháu Tạ Đức H6.

Như vậy, căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp thừa kế về tài sản”.

[1.3] Bị đơn bà Mông Thị H, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Tạ Vĩnh X là ông Tạ Thiệu H2, bà Tạ Thụy H1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vắng mặt những người có tên trên theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Quá trình tố tụng, Tòa án đã có thông báo yêu cầu các đương sự cung cấp địa chỉ của bà H3 và bà H4 tại nước ngoài nhưng các đương sự không cung cấp. Do vậy, Tòa án tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự để bà H3, bà H8 biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào Án lệ 06/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân D thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Tòa án nhân dân tối cao để xem xét giải quyết vắng mặt bà H4, bà H3.

[1.5] Về kết quả đo đạc và định giá: Quá trình tố tụng đến tại phiên tòa, không đương sự nào có ý kiến đối với kết quả đo đạc tại Mẫu trích đo địa chính ngày 01/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T, tỉnh Bình Dương và kết quả định giá ngày 29/9/2023. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả đo đạc và định giá nêu trên làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Về quan hệ huyết thống:

[2.1] Bà Lý Hoàng P và ông Tạ Thiệu H5 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 137, quyền số 01/2008 ngày 25/7/2008, là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Quá trình chung sống, bà P và ông H5 có 02 con chung là cháu Tạ Đức T1, sinh ngày 11/01/2010 và cháu Tạ Đức M, sinh ngày 25/02/2016. Ngoài những người con trên, ông H5 không có con riêng, con nuôi nào khác.

[2.3] Cha của ông H5 là ông Tạ Vĩnh X (chết ngày 02/02/2021), mẹ của bà H5 là bà Mông Thị H. Ông X và bà H có 05 người con gồm: ông Tạ Thiệu

H5 (chết ngày 31/10/2020), ông Tạ Thiệu H2, bà Tạ Thụy H3, bà Tạ Thụy H1 và bà Tạ Thụy H4.

Như vậy, căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Tạ Thiệu H5 gồm bà Lý Hoàng P, bà Mông Thị H, ông Tạ Vĩnh X, cháu Tạ Đức T1, sinh ngày 11/01/2010 và cháu Tạ Đức M, sinh ngày 25/02/2016.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Tạ Vĩnh X gồm bà Mông Thị H, ông Tạ Thiệu H2, bà Tạ Thụy H1, bà Tạ Thụy H3 và bà Tạ Thụy H4.

[3] Căn cứ vào chứng cứ có tại hồ sơ có căn cứ xác định quá trình chung sống, ông H5 và bà P tạo lập được khối tài sản chung bao gồm:

[3.1] Quyền sử dụng đất theo kết quả đo đạc thực tế 78,8m² (trong đó gồm 60m² đất ở; 12m² đất trồng cây lâu năm; 6,8m² hành lang bảo vệ an toàn mương) thuộc thửa đất số 567, tờ bản đồ số 49 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY682818, số vào sổ CH03559 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Tạ Thiệu H5 và bà Lý Hoàng P ngày 15/5/2015, tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 3 có kết cấu một trệt, một lầu có diện tích sàn xây dựng 123,76m², nhà vệ sinh có diện tích 7,5m².

[3.2] Quyền sử dụng đất theo kết quả đo đạc thực tế 95,3m² (trong đó gồm 71,5m² đất ở; 15,3m² đất trồng cây lâu năm; 8,5m² hành lang bảo vệ an toàn mương) thuộc thửa đất số 442, tờ bản đồ số 49 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU915179, số vào sổ CH03367 do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Tạ Thiệu H5 và bà Lý Hoàng P ngày 29/12/2014, tài sản gắn liền với đất là căn nhà tạm diện tích 9,4m².

[4] Theo kết quả định giá, phần tài sản của bà P và ông H5 có giá trị như sau:

[4.1] Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 567, tờ bản đồ 49:

Quyền sử dụng đất theo kết quả đo đạc thực tế là 78,8m², trong đó có 60m² đất ở x 15.000.000 đồng/m² = 900.000.000 đồng và 18,8m² đất trồng cây lâu năm x 12.000.000 đồng/m² = 225.600.000 đồng. Tổng cộng là 1.125.600.000 đồng.

Tài sản trên đất gồm: căn nhà cấp 3 có kết cấu một trệt, một lầu có diện tích sàn xây dựng 123,76m² x 6.400.000 đồng/m² x 75% = 594.048.000 đồng; nhà vệ sinh có diện tích 7,5m² x 835.000 đồng/m² x 75% = 4.696.875 đồng. Tổng cộng là 598.744.875 đồng.

Tổng giá trị tài sản thuộc thửa đất số 567 là 1.724.344.875 đồng.

[4.2] Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 442, tờ bản đồ 49:

Quyền sử dụng đất theo kết quả đo đạc thực tế là $95,3\text{m}^2$, trong đó có $71,5\text{m}^2$ đất ở $\times 15.000.000$ đồng/ $\text{m}^2 = 1.072.500.000$ đồng và $23,8\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm $\times 12.000.000$ đồng/ $\text{m}^2 = 285.600.000$ đồng. Tổng cộng là 1.358.100.000 đồng.

Tài sản trên đất gồm căn nhà tạm có diện tích $9,4\text{m}^2 \times 3.489.000$ đồng/ $\text{m}^2 \times 85\% = 27.877.100$ đồng.

Tổng giá trị tài sản thuộc thửa đất số 442 là 1.385.977.110 đồng.

[4.3] Tổng giá trị tài sản thửa đất số 567 và số 442 là 3.110.321.985 đồng.

[5] Ông Tạ Thiệu H5 chết ngày 31/10/2020 nên $\frac{1}{2}$ diện tích đất và $\frac{1}{2}$ tài sản trên là di sản của ông H5. Ông H5 chết không để lại di chúc nên di sản của ông H5 được chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Đối với $\frac{1}{2}$ diện tích và tài sản còn lại là của bà P nên yêu cầu khởi kiện của bà P là có căn cứ chấp nhận.

[6] Di sản của ông H5 được xác định trong khối tài sản chung bà Lý Hoàng P và ông Tạ Thiệu H5; được phân chia như sau:

- Đối quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất thuộc thửa đất số 567, tờ bản đồ số 49 là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 567 theo kết quả đo đạc thực tế là $78,8\text{m}^2 : 2 = 39,4\text{m}^2$, trong đó có 30m^2 đất thổ cư và $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà và nhà vệ sinh là 299.372.438 đồng. Diện tích đất chia cho 05 thừa kế của ông H5 gồm bà H, ông X, bà P, cháu T1, cháu M, mỗi kỹ phần được nhận diện tích là $7,88\text{m}^2$ (trong đó có 06m^2 đất ở). Đối với giá trị nhà, nhà vệ sinh, mỗi kỹ phần được hưởng là 59.874.486 đồng. Mỗi kỹ phần được nhận có giá trị là 172.434.486 đồng

- Đối quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất thuộc thửa đất số 442, tờ bản đồ số 49 là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 442 theo kết quả đo đạc thực tế là $95,3\text{m}^2 : 2 = 47,65\text{m}^2$, trong đó có $35,75\text{m}^2$ đất thổ cư và $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà tạm là 13.938.550 đồng. Diện tích đất chia cho 05 thừa kế của ông H5 gồm bà H, ông X, bà P, cháu T1, cháu M, mỗi kỹ phần được nhận diện tích là $9,53\text{m}^2$ (trong đó có $7,15\text{m}^2$ đất ở). Đối với giá trị nhà, nhà vệ sinh, mỗi kỹ phần được hưởng là 2.787.710 đồng. Mỗi kỹ phần được nhận có giá trị là 138.597.710 đồng.

[6.1] Do diện tích chia thừa kế nêu trên không đảm bảo điều kiện tách thửa theo Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh B quy định về điều kiện tách thửa đất, điều kiện hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Bà H cũng có ý kiến giao kỹ phần được hưởng cho bà P và bà P có nghĩa vụ thanh toán giá trị cho bà H. Do vậy, cần giao kỹ phần của bà H, ông X cho bà Lý Hoàng P được nhận và bà P có trách nhiệm thanh toán giá trị kỹ phần cho bà H và ông X cụ thể như sau:

Bà P có trách nhiệm thanh toán cho bà Mông Thị H giá trị kỷ phần được hưởng là 311.032.196 đồng.

Đối với ý kiến của bà Tạ Thụy H1 và bà Tạ Thụy H3 từ chối quyền thừa kế của ông X. Tuy nhiên, trong vụ án này Tòa án không giải quyết việc chia di sản của ông X. Do đó, Tòa án tuyên buộc trách nhiệm của bà P thanh toán cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Tạ Vĩnh X số tiền là 311.032.196 đồng. Nếu các thừa kế của ông X có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[6.2] Đối với kỷ phần của cháu M và cháu T1: người đại diện hợp pháp của cháu M, cháu T1 chính là bà P có yêu cầu nhận bằng hiện vật. Tổng giá trị tài sản của cháu M và cháu T1 được nhận là 622.064.392 đồng. Do diện tích chia thừa kế cho cháu M và cháu T1 không đảm bảo điều kiện tách thửa theo Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh B quy định về điều kiện tách thửa đất, điều kiện hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, người đại diện hợp pháp của bà P tự nguyện giao cho cháu M và cháu T1 kỷ phần bà P được hưởng cùng phần tài sản chung của bà thuộc thửa đất số 442 cho cháu M, cháu T1 và không yêu cầu cháu M, cháu T1 phải thanh toán giá trị chênh lệch. Đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[8] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá với tổng số tiền 7.166.481 đồng. Các đương sự phải chịu theo quy định tại Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn bà Lý Hoàng P tự nguyện chịu chi phí tố tụng trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí tương ứng với phần giá trị kỷ phần được hưởng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bà H và ông X là người cao tuổi nên được miễn án phí; cháu T1, cháu M là trẻ em nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; Điều 37; Điều 92; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 180; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 269; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 609, 611, 612, 613, 614, 616, 623, 649, 650, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Án lệ 06/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân D thông qua ngày 06/4/2016.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Hoàng P đối với bị đơn bà Mông Thị H về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

1.1. Xác định diện tích đất là $39,4m^2$ (trong đó có $30m^2$ đất ở) thuộc thửa đất số 567, tờ bản đồ số 49 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương và $\frac{1}{2}$ căn nhà và $\frac{1}{2}$ nhà vệ sinh có giá trị là 299.372.438 đồng (hai trăm chín mươi chín triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng); diện tích đất $47,65m^2$ (trong đó có $35,75m^2$ đất ở) thuộc thửa đất số 442, tờ bản đồ số 49 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương và $\frac{1}{2}$ căn nhà tạm có giá trị là 13.938.550 đồng (mười ba triệu chín trăm ba mươi tám nghìn năm trăm năm mươi đồng) là tài sản của bà Lý Hoàng P.

1.2. Xác định diện tích đất là $39,4m^2$ (trong đó có $30m^2$ đất ở) thuộc thửa đất số 567, tờ bản đồ số 49 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương và $\frac{1}{2}$ căn nhà và nhà vệ sinh có giá trị là 299.372.438 đồng (hai trăm chín mươi chín triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng); diện tích đất $47,65m^2$ (trong đó có $35,75m^2$ đất ở) thuộc thửa đất số 442, tờ bản đồ số 49 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương và $\frac{1}{2}$ căn nhà tạm có giá trị là 13.938.550 đồng (mười ba triệu chín trăm ba mươi tám nghìn năm trăm năm mươi đồng) là di sản của ông Tạ Thiệu H5 để lại.

1.3. Chia di sản của ông Tạ Thiệu H9 để lại như sau:

1.3.1. Bà Lý Hoàng P được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất theo kết quả đo đạc thực tế $78,8m^2$ (trong đó gồm $60m^2$ đất ở; $12m^2$ đất trồng cây lâu năm; $6,8m^2$ hành lang bảo vệ an toàn đường) thuộc thửa đất số 567, tờ bản đồ số 49 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 3 có kết cấu một trệt, một lầu có diện tích sàn xây dựng $123,76m^2$, nhà vệ sinh có diện tích $7,5m^2$ (vị trí A trên sơ đồ bản vẽ kèm theo).

1.3.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lý Hoàng P về việc giao kỷ phần bà P được hưởng, kỷ phần đã thanh toán giá trị cho bà Mông Thị H, ông Tạ Vĩnh X và phần tài sản chung của bà P tại thửa đất số 442, tờ bản đồ 49 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương cho cháu Tạ Đức T1 và cháu Tạ Đức M.

Cháu Tạ Đức T1 và cháu Tạ Đức M được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất theo kết quả đo đạc thực tế $95,3m^2$ (trong đó gồm $71,5m^2$ đất ở; $15,3m^2$ đất trồng cây lâu năm; $8,5m^2$ hành lang bảo vệ an toàn đường) thuộc thửa đất số 442, tờ bản đồ số 49 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình

Dương và tài sản gắn liền với đất là căn nhà tạm có diện tích 9,4m² (vị trí B trên sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Các đương sự liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, kê khai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

1.3.3. Thanh toán giá trị di sản:

Bà Lý Hoàng P có trách nhiệm thanh toán cho bà Mông Thị H giá trị kỹ phần được hưởng với số tiền là 311.032.196 đồng (ba trăm mười một triệu không trăm ba mươi hai nghìn một trăm chín mươi sáu đồng).

Bà Lý Hoàng P có trách nhiệm thanh toán cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Tạ Vĩnh X (gồm bà Mông Thị H, ông Tạ Thiệu H2, bà Tạ Thụy H1, bà Tạ Thụy H4 và bà Tạ Thụy H3) giá trị kỹ phần ông Tạ Vĩnh X được hưởng với số tiền là 311.032.196 đồng (ba trăm mười một triệu không trăm ba mươi hai nghìn một trăm chín mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lý Hoàng P về việc không yêu cầu cháu Tạ Đức T1 và cháu Tạ Đức M thanh toán giá trị chênh lệch.

2. Chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Lý Hoàng P về việc chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá với số tiền 7.166.481 đồng (bảy triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi một nghìn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng chi phí đã nộp (đã thực hiện xong).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lý Hoàng P phải chịu số tiền 15.551.609 đồng (mười lăm triệu năm trăm năm mươi một nghìn sáu trăm lẻ chín đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001372 ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (do ông Phạm Minh T nộp thay). Bà Lý Hoàng P còn phải nộp số tiền 9.301.609 đồng (chín triệu ba trăm lẻ một nghìn sáu trăm lẻ chín đồng).

Bà Mông Thị H, ông Tạ Vĩnh X là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Cháu Tạ Đức T1, cháu Tạ T2 là trẻ em nên được miễn án phí.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết